TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 - ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 187/2025/DS-ST
Ngày: 30 - 9 - 2025
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tùng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hữu Long, bà Trần Thị Liên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Hoàng Phương Loan - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Thắm - Kiểm sát viên.

Ngày 30/9/2025, tại Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 26/2025/TLST-DS ngày 17/7/2025 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 231/2025/QĐXXST-DS ngày 09/9/2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Đ.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đình L - Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Địa chỉ: Số B N, phường H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Bà Nguyễn Thị Thu H, ông Đàng Thanh V và bà Lê Thị L1 (đều vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Ngân hàng TMCP Đ, số B L, phường N, thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Đức L2, sinh năm 1987 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số B Đ, phường B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Lê Thị Thu P, sinh năm 1995 (có mặt).

Địa chỉ: Số H Hồ T, phường B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn trình bày:

Ngày 28/7/2020, ông Nguyễn Đức L2 giao kết với Ngân hàng TMCP Đ (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) Giấy đề nghị cấp tín dụng, đề nghị phát hành thẻ tín dụng kiêm hợp đồng tín dụng số 226/HĐTD/PVB-CNSG (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng cùng bản Điều khoản, điều kiện cấp tín dụng và phát hành, sử dụng thẻ tín dụng tại Ngân hàng, các tài liệu này được gọi chung là hợp đồng tín

dụng), thông tin cụ thể như sau:

+ Số tài khoản thẻ tín dụng: 0000000000268510.

+ Trạng thái thẻ hiện tại: Warm card (là trạng thái thẻ khi chủ thẻ chậm thanh toán sao kê từ 90 ngày trở lên).

+ Ngày phát hành: 31/07/2020, ngày hết hạn: 31/07/2023.

+ Hạn mức thẻ: 50.000.000 đồng, mục đích vay: Tiêu dùng.

+ Lãi suất phát vay: 25%/năm, lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn.

Trên cơ sở đó, Ngân hàng đã thực hiện cấp hạn mức thẻ tín dụng cho ông Nguyễn Đức L2 với số tiền 50.000.000 đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Nguyễn Đức L2 đã thực hiện giao dịch với tổng số tiền 929.722.741 đồng, tổng số tiền đã thanh toán 886.067.384 đồng, dư nợ gốc còn lại (929.722.741 đồng - 886.067.384 đồng) = 43.655.357 đồng. Tuy nhiên, sau khi được Ngân hàng cấp tín dụng, ông Nguyễn Đức L2 đã không thực hiện trả nợ đúng hạn theo quy định tại hợp đồng, thời gian chậm thanh toán từ ngày 10/08/2023. Ngân hàng đã rất nhiều lần liên hệ yêu cầu ông Nguyễn Đức L2 thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng ông Nguyễn Đức L2 không thực hiện.

Vì vậy, Ngân hàng khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Đức L2 phải thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền 108.266.085 đồng (tính đến ngày 30/9/2025), trong đó: Nợ gốc 43.655.357 đồng, tiền lãi 64.012.197 đồng, tiền phí 598.531 đồng. Kể từ ngày 01/10/2025 cho đến khi hoàn thành nghĩa vụ trả nợ, ông Nguyễn Đức L2 còn phải trả cho Ngân hàng các khoản tiền lãi và phí phát sinh theo Giấy đề nghị cấp tín dụng, đề nghị phát hành thẻ tín dụng kiêm hợp đồng tín dụng số 226/HĐTD/PVB-CNSG ngày 28/07/2020.

2. Trong quá trình tham gia tố tụng, bị đơn trình bày:

Ngày 28/7/2020, ông Nguyễn Đức L2 giao kết hợp đồng tín dụng với Ngân hàng TMCP Đ, cụ thể là Giấy đề nghị cấp tín dụng, đề nghị phát hành thẻ tín dụng kiêm hợp đồng tín dụng số 226/HĐTD/PVB-CNSG, với hạn mức thẻ 50.000.000 đồng, lãi suất phát vay 25%/năm, mục đích vay tiêu dùng. Sau khi được cấp tín dụng, ông Nguyễn Đức L2 đã thực hiện giao dịch trên thẻ tín dụng. Tính đến nay, ông Nguyễn Đức L2 xác định còn nợ ngân hàng số tiền gốc 43.655.357 đồng là đúng.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc ông Nguyễn Đức L2 phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền 108.266.085 đồng, trong đó: Nợ gốc 43.655.357 đồng, tiền lãi 64.012.197 đồng và tiền phí 598.531 đồng, thì ông L2 chỉ đồng ý thanh toán khoản nợ gốc, không đồng ý trả tiền lãi. Bởi lẽ, khi cấp tín dụng cho bị đơn Ngân hàng không cung cấp đầy đủ thông tin về lãi suất cho vay, lãi suất quá hạn, lãi suất do chậm trả lãi, Ngân hàng vi phạm nghĩa vụ thông báo về thời điểm chuyển nợ quá hạn, nên ông L2 không biết được khoản vay nêu trên đã chuyển sang nợ quá hạn để có kế hoạch thanh toán. Bên cạnh đó, sau khi được cấp tín dụng, do ảnh hưởng của dịch Covid-19 ông L2 bị mất việc làm nên mất khả năng thanh toán.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký Tòa án đã tuân thủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 và 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào Điều 91 và 95 Luật các tổ chức tín dụng, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Nguyễn Đức L2 phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền 108.266.085 đồng, trong đó: Nợ gốc 43.655.357 đồng, tiền lãi 64.012.197 đồng và tiền phí 598.531 đồng (tính đến ngày 30/9/2025). Kể từ ngày 01/10/2025 cho đến khi hoàn thành nghĩa vụ thanh toán, ông Nguyễn Đức L2 còn phải chịu khoản tiền lãi xác định theo dư nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng. Các đương sự phải chịu chi phí tố tụng, án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Đức L2 (trú tại phường B, tỉnh Đắk Lắk) trả số tiền 108.266.085 đồng đã vay theo hợp đồng tín dụng, đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đắk Lắk theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt đầy đủ và hợp lệ văn bản tố tụng cho đương sự. Tại phiên tòa, nguyên đơn vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 227 và 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Ngày 28/7/2020, ông Nguyễn Đức L2 được Ngân hàng duyệt hạn mức tín dụng 50.000.000 đồng, ngày phát hành thẻ 31/7/2020, loại thẻ tín dụng đăng ký hạng vàng, với mục đích tiêu dùng cá nhân; lãi suất tại thời điểm giao kết hợp đồng là 25%/năm và được điều chỉnh theo quy định của Ngân hàng trong từng thời kỳ; lãi quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

Trên cơ sở bảng kê tính lãi thẻ tín dụng, tính đến ngày 07/11/2023, ông Nguyễn Đức L2 đã thực hiện nhiều giao dịch và dư nợ còn lại như sau:

+ Tổng số tiền giao dịch 929.722.741 đồng, tổng số tiền đã thanh toán 886.067.384 đồng, dư nợ gốc còn lại: (929.722.741 đồng - 886.067.384 đồng) = **43.655.357 đồng.**

+ Tổng lãi trong hạn phát sinh 31.287.213 đồng (lãi suất 25%/năm), số tiền lãi trong hạn đã trả 3.611.606 đồng, tổng số tiền lãi trong hạn còn phải trả: (31.287.213 đồng - 3.611.606 đồng) = 27.675.607 đồng.

Từ ngày 08/11/2023 (ngày chuyển nợ quá hạn) cho đến ngày xét xử sơ thẩm 30/9/2025 (693 ngày), Ngân hàng áp dụng mức lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, cụ thể là 37,5%/năm:

+ Tiền lãi quá hạn: (43.655.357 đồng x 693 ngày x 37,5%/năm) = 31.082.016 đồng.

+ Tiền lãi do chậm trả lãi: (27.675.607 đồng x 693 ngày x 10%/năm) = 5.254.574 đồng.

+ Tiền phí: 598.531 đồng.

Như vậy, tổng số tiền bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán tính đến ngày 30/9/2025 là 108.266.085 đồng, trong đó: Nợ gốc 43.655.357 đồng, tiền lãi 64.012.197 đồng (27.675.607 đồng + 31.082.016 đồng + 5.254.574 đồng) và 598.531 đồng tiền phí.

Vì vậy, Ngân hàng TMCP Đ khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Đức L2 phải trả số tiền 108.266.085 đồng (tính đến ngày 30/9/2025) và tiếp tục trả lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng kể từ ngày 01/10/2025 là có căn cứ, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Đối với ý kiến của bị đơn cho rằng Ngân hàng đã vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin về lãi suất, không thông báo trước khi chuyển nợ quá hạn là không có căn cứ, bởi lẽ, tại Giấy đề nghị cấp tín dụng, đề nghị phát hành thẻ tín dụng kiêm hợp đồng tín dụng số 226/HĐTD/PVB-CNSG ngày 28/7/2020 đã thể hiện rõ:

+ Tại tiểu mục 1.1, mục 1, phần IX: Lãi suất tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng là 25% và được điều chỉnh theo quy định của Ngân hàng trong từng thời kỳ. Tại bản Điều khoản, điều kiện cấp tín dụng và phát hành, sử dụng thẻ tín dụng cũng thể hiện (tại mục 2) mức lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn và xác định phương pháp tính lãi chậm trả lãi (tại mục 3).

+ Trước khi giao kết hợp đồng tín dụng, ông Nguyễn Đức L2 cũng đã có nội dung cam kết tại mục 2, 3 phần VIII của hợp đồng: "*Tôi xác nhận đã đọc, hiểu rõ và đồng ý bị ràng buộc bởi các quy định trong bản Điều khoản, điều kiện về cấp tín dụng...*", "*nếu hợp đồng tín dụng của tôi được chấp thuận và ký kết, Ngân hàng sẽ có toàn quyền quyết định về thời hạn vay, số tiền vay...*".

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện được Hội đồng xét xử chấp nhận nên nguyên đơn không phải án phí dân sự sơ thẩm.

Bị đơn ông Nguyễn Đức L2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận, cụ thể: (108.266.085 đồng x 5%) = 5.413.304 đồng (làm tròn số thành 5.413.000 đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 227, 228, 266, 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đ.

Buộc ông Nguyễn Đức L2 phải trả cho Ngân hàng TMCP Đ tổng số tiền 108.266.085 đồng, trong đó: Nợ gốc 43.655.357 đồng, tiền lãi 64.012.197 đồng và tiền phí 598.531 đồng (tính đến ngày 30/9/2025).

Kể từ ngày 01/10/2025 cho đến khi hoàn thành nghĩa vụ thanh toán, ông Nguyễn Đức L2 còn phải chịu khoản tiền lãi xác định theo dư nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp tín dụng, đề nghị phát hành thẻ tín dụng kiêm hợp đồng tín dụng số 226/HĐTD/PVB-CNSG ngày 28/7/2020 và bản Điều khoản, điều kiện cấp tín dụng và phát hành, sử dụng thẻ tín dụng tại Ngân hàng TMCP Đ.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đ không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được nhận lại số tiền 2.070.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số AA/2023/0011112 ngày 10/6/2025, tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1 - Đắk Lắk).

Bị đơn ông Nguyễn Đức L2 phải chịu 5.413.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: Bị đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- THADS tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND khu vực 1;
- Phòng THADS khu vực 1;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thanh Tùng